

PHỤ LỤC V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HẰNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

**TẬP ĐOÀN
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2
MST: 1800590430**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2 0 4 3 /EVNGENCO 2-KH

Cần Thơ, ngày 19 tháng 6 năm 2018

Năm báo cáo: 2018

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước:

Tổng sản lượng điện sản xuất thực hiện 03 năm là 48.682 triệu kWh đạt 101% kế hoạch. Trong đó, khối nhiệt điện than thực hiện được 36.889 triệu kWh đạt 102% kế hoạch chiếm tỷ trọng 75,78% tổng sản lượng toàn Tổng công ty, khối thủy điện thực hiện được 10.806 triệu kWh đạt 108,77% kế hoạch chiếm tỷ trọng 22,20% và khối nhiệt điện dầu thực hiện được 986 triệu kWh đạt 49% kế hoạch chiếm tỷ trọng 2,03%.

Trong năm 2017, mặc dù sản lượng của tất cả các nhà máy thủy điện đều phát vượt kế hoạch được giao nhưng do khối nhiệt điện than chỉ thực hiện đạt 86,40% kế hoạch và khối này chiếm tỷ trọng đến 75,93% sản lượng điện kế hoạch của toàn Tổng công ty nên tỷ lệ thực hiện của toàn Tổng công ty chỉ đạt ở mức 96,79% kế hoạch năm (không bao gồm sản lượng của nhiệt điện dầu). Bên cạnh đó, Nhà máy Thủy điện Trung Sơn cũng mới đưa các tổ máy vào vận hành từ quý II/2017 nên sản lượng cũng chỉ thực hiện được 83,94% kế hoạch. Ngoài ra, để đảm bảo an ninh năng lượng và ổn định hệ thống điện, các tổ máy Nhiệt điện dầu cũng được huy động vào một số giờ cao điểm hoặc trong thời gian tổ chức Hội nghị APEC, cũng như huy động trong đợt bão số 16 để đảm bảo cấp điện trong khu vực trong trường hợp bão đổ bộ vào và sản lượng điện thực hiện trong năm 2017 là 24,99 triệu kWh.

Đơn vị tính: Triệu kWh

S T T	Đơn vị	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Thực hiện 3 năm		TH/KH 03 năm (%)
		KH 2015	TH 2015	KH 2016	TH 2016	KH 2017	TH 2017	KH	TH	
	Công ty mẹ và 100% vốn	1.047	1.049	1.225	2.100	3.862	2.671	6.134	5.820	95
	Nhiệt điện dầu	57	57	205	904	1.758	25	2.020	986	49
1	Cần Thơ- Ô Môn	57	57	205	904	1.758	25	2.020	98	49
	Thủy điện	990	992	1.020	1.196	2.104	2.646	4.114	4.834	117
3	An Khê- Kanak	405	406	467	519	533	858	1.405	1.783	127

S T T	Đơn vị	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Thực hiện 3 năm		TH/KH 03 năm (%)
		KH 2015	TH 2015	KH 2016	TH 2016	KH 2017	TH 2017	KH	TH	
4	Quảng Trị	220	220	148	236	171	294	539	751	139
5	Sông Bung 4	365	366	405	440	400	654	1.170	1.460	125
6	Trung Sơn					1.000	839	1.000	839	84
Công ty cổ phần		14.498	14.795	12.428	13.987	14.996	14.079	41.922	42.862	102
Nhiệt điện than		12.447	13.236	10.533	12.316	13.121	11.337	36.101	36.889	102
1	Hải Phòng	6.457	6.938	6.975	7.069	7.530	6.339	20.962	20.346	97
2	Phả Lại	5.990	6.298	3.558	5.246	5.591	4.998	15.139	16.543	109
Thủy điện		2.051	1.559	1.895	1.672	1.875	2.742	5.821	5.973	103
3	A Vương	598	569	530	611	600	1.001	1.728	2.180	126
4	Sông Ba Hạ	695	344	644	586	595	944	1.934	1.874	97
5	Thác Mơ	758	646	721	475	680	798	2.159	1.918	89
TỔNG CỘNG		15.545	15.844	13.653	16.088	18.858	16.750	48.056	48.682	101

Từ kết quả thực tế hoạt động nêu trên, sản lượng điện thương phẩm của EVNGENCO2 luôn tăng trưởng qua các năm góp phần tích cực đến việc tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Về lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Tổng công ty có nhiều biến động, năm 2016 lợi nhuận hợp nhất chỉ đạt 58,34% so với năm 2015 là do hiện tượng khô hạn El Nino trên diện rộng kéo dài làm giảm sản lượng điện phát của các nhà máy thủy điện trong năm. Năm 2017 là một năm đặc biệt – do tình hình thủy văn tại các nhà máy Thủy điện được thuận lợi hơn so với năm 2016, lưu lượng nước về các hồ luôn ở mức cao so với giá trị trung bình nhiều năm, do đó các nhà máy Thủy điện được huy động tối đa. Mặt khác tại thời điểm cuối năm 2016, mực nước ở các hồ thủy điện của Tổng công ty đều tích đến mực nước dâng bình thường. Vì vậy, các Nhà máy thủy điện của toàn Tổng công ty hầu hết đều phát vượt sản lượng điện kế hoạch được giao dẫn đến lợi nhuận hợp nhất trước thuế có mức tăng đột biến so với các năm trước.

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	Chênh lệch			
				2016/2015		2017/2016	
				+/-	%	+/-	%
Sản lượng điện thương phẩm (triệu kWh)	14.618,85	14.891,74	15.471,85	272,89	101,87	580,11	103,90
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	857,00	500,00	3.032,00	(357,00)	58,34	2.532,00	606,40

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước

Giai đoạn 2015-2017, EVNGENCO2 đã đạt được một số kết quả quan trọng trong công tác xây dựng và đưa vào vận hành ổn định 05 tổ máy thuộc 02 dự án nguồn điện với tổng công suất 590 MW, trong đó: Năm 2015: Tổ máy số 2 Nhiệt điện Ô Môn I - 330 MW đốt lò lần đầu vào ngày 20/3/2015 và hoà điện lần đầu vào ngày 12/6/2015, nghiệm thu cấp Chủ đầu tư ngày 27/11/2015. Bên cạnh đó trong năm 2015 Dự án Thủy điện

Sông Bung 4 được chính thức nghiệm thu bàn giao toàn bộ công trình đưa vào sử dụng cấp chủ đầu tư vào ngày 03/7/2015. Năm 2017: Thủy điện Trung Sơn đã hoàn thành thi công và đưa vào vận hành thương mại 04 tổ máy đi vào vận hành thương mại góp phần nâng cao công suất của lưới điện, tăng khả năng dự phòng của lưới điện.

EVNGENCO2 đã tập trung đầu tư các dự án nguồn điện theo kế hoạch được Tập đoàn giao và thực hiện theo các mục tiêu được Chính Phủ phê duyệt. Trên cơ sở kế hoạch ĐTXD hàng năm được EVN giao, EVNGENCO2 tổ chức điều hành các dự án nguồn điện bám sát các mục tiêu tiến độ nhằm đạt được khối lượng đầu tư xây dựng với giá trị cao và hoàn thành đưa vào vận hành các công trình nguồn điện để đảm bảo góp phần cung cấp điện cho cả nước.

- Công tác của các dự án Nhiệt điện Ô Môn III&IV đã được EVNGENCO2 nghiêm túc, chủ động triển khai thực hiện theo chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của EVN. Năm 2017, Thủ tướng chính phủ đã chấp thuận chuyển Chủ đầu tư 02 dự án trên từ Tổng công ty Phát điện 2 sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại văn bản số 1904/TTg-CN ngày 13/12/2017 và Tổng công ty đã triển khai công tác bàn giao theo chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại văn bản số 5909/EVN-KH ngày 15/12/2017.

- Giá trị giải ngân giai đoạn năm 2015 đến năm 2017 là 7.636 tỷ đồng/8.299 tỷ đồng kế hoạch.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm

Năm 2015, Dự án Thủy điện Sông Bung 4 được chính thức nghiệm thu bàn giao toàn bộ công trình đưa vào sử dụng cấp chủ đầu tư vào ngày 03/07/2015.

Tăng vốn điều lệ của Công ty mẹ từ 10.677 tỷ đồng lên 11.702 tỷ đồng tại Quyết định số 195/QĐ-EVN ngày 02/11/2015 của EVN về việc giao vốn điều lệ cho Tổng công ty Phát điện 2.

Năm 2015, Tổ máy 2 Dự án Nhiệt điện Ô Môn I vào vận hành thương mại ngày 6/11/2015, hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo vai trò phát điện, an ninh năng lượng quốc gia.

Năm 2015, bàn giao Công ty Nhiệt điện Thủ Đức cho EVNGENCO3.

Năm 2017, Dự án Thủy điện Trung Sơn đã hoàn thành thi công và đưa vào vận hành thương mại 04 tổ máy (TM) với các mốc thời gian các tổ máy đi vào vận hành thương mại: TM1 ngày 21/02/2017, TM2 ngày 27/3/2017, TM3 ngày 10/5/2017 và TM4 ngày 30/6/2017. Hội đồng nghiệm thu Nhà nước đã kiểm tra công tác nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu cấp Chủ đầu tư ngày 18/01/2018. Hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo vai trò phát điện, an ninh năng lượng quốc gia.

Giai đoạn năm 2015 - 2017, EVNGENCO2 đã triển khai thực hiện các công tác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh như: triển khai công tác sửa chữa bảo dưỡng tập trung vào độ tin cậy, ổn định của thiết bị và hệ thống điện (RCM –Reliability centered manterance); triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất các máy nghiền than, tối ưu hóa phương thức vận hành các bơm tuần hoàn ứng với các nấc công suất máy phát... Bên cạnh đó, để nâng cao công tác quản lý, Tổng công ty đã nâng cấp hệ thống quản lý văn bản E-Office tại Tổng công ty Phát điện 2 và các đơn vị thành viên

giúp Ban Lãnh đạo Tổng công ty truy cập hệ thống E-Office của các đơn vị và ngược lại. Năm 2017 là năm Tổng công ty tập trung nhiều vào việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý doanh nghiệp: triển khai thành công hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) tại Cơ quan Tổng công ty và các đơn vị thành viên và triển khai chương trình đánh giá và đo lường hiệu quả công việc (KPIs).

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*** Những thuận lợi:**

- Kinh tế - xã hội của đất nước có bước phát triển mới, tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

- Năng lực quản lý và trình độ kỹ thuật của cán bộ công nhân viên được nâng cao; Khoa học công nghệ trong sản xuất, truyền tải và phân phối điện có những bước tiến đáng kể; Cán bộ đảng viên, công nhân viên chức đoàn kết, nhất trí trên dưới một lòng.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 24/2011/QĐ-TTg ngày 15/4/2011 về điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường. Thực hiện cơ chế giá bán điện mới sẽ tạo điều kiện cho Tập đoàn dần dần khắc phục các khoản lỗ của các năm trước và tiến tới cân bằng tài chính, sản xuất kinh doanh điện có lợi nhuận hợp lý.

- Sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Chính phủ, của bộ chủ quản (Bộ Công Thương), của cơ quan chỉ đạo trực tiếp (Cục Điều tiết điện lực) và của đơn vị quản lý cấp trên (Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

- Sự ủng hộ, đồng thuận của cộng đồng dân cư nơi thực hiện các dự án, công trình, nơi các nhà máy điện hoạt động. Sự tin cậy, cộng tác của cộng đồng doanh nghiệp.

*** Những khó khăn, thách thức:**

- Tình hình thời tiết diễn ra bất thường và khó lường điển hình như năm 2015 nắng nóng kéo dài, mưa rất ít làm lưu lượng nước về các hồ rất thấp nên sản lượng điện các nhà máy Thủy điện của Tổng công ty phát thấp do đó ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng công ty.

- Các tổ máy thủy điện của Tổng công ty Phát điện 2 có công suất thấp, thêm vào đó, Tổng công ty còn quản lý các tổ máy nhiệt điện dầu có giá thành cao dẫn đến việc cân đối tài chính của Tổng công ty còn gặp nhiều khó khăn.

- Sản xuất kinh doanh điện và đầu tư của EVNGENCO 2 tiếp tục chịu ảnh hưởng lớn, rủi ro của các yếu tố đầu vào cơ bản như giá nhiên liệu, biến động tỷ giá ngoại tệ, cơ cấu sản lượng điện phát, chính sách tín dụng, tiền tệ.

- Đa số các dự án sử dụng vốn vay rất lớn trong tỷ trọng nguồn vốn đầu tư.

- Cơ chế giá điện chưa thu hút được nhà đầu tư, đặc biệt là giá điện gió còn thấp so với khu vực và trên thế giới.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...)

Triển vọng

Hiện nay, thị trường điện nhận được sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước nhằm chuyển ngành điện theo cơ chế thị trường, tăng tính minh bạch và cạnh tranh, bên cạnh đó sẽ đảm bảo sự phát triển vững mạnh của ngành, phục vụ nhu cầu cung cấp điện cho các hoạt động sản xuất và đời sống chính trị - xã hội của đất nước.

Ngành điện trong thời gian tới có những lợi thế do nhu cầu sử dụng điện ngày một gia tăng do sự phát triển kinh tế và các yếu tố xã hội - con người và dự báo sẽ tiếp tục gia tăng trong dài hạn, các doanh nghiệp trong ngành sẽ phải tiếp tục sản xuất với công suất tối đa. Theo Đề án Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 (gọi tắt là Quy hoạch Điện VII điều chỉnh) thì mục tiêu của ngành điện là cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm trong giai đoạn 2016 - 2030. Trong đó điện thương phẩm năm 2020 khoảng 235 - 245 tỷ kWh, năm 2025 khoảng 352 tỷ kWh, năm 2030 khoảng 506 - 559 tỷ kWh; điện sản xuất và nhập khẩu năm 2020 khoảng 265 - 278 tỷ kWh, năm 2025 khoảng 400 - 431 tỷ kWh và năm 2030 khoảng 572 - 632 tỷ kWh. Với nhu cầu cung cấp điện cho phát triển kinh tế xã hội như trên cơ hội tham gia cung cấp điện của các nhà máy điện trong EVNGENCO2 có nhiều thuận lợi nhất là từ năm 2012 các nhà máy tham gia thị trường phát điện cạnh tranh giúp nâng cao tính cạnh tranh giữa các đơn vị phát điện, các nhà máy chủ động trong việc xây dựng chiến lược vận hành mang lại hiệu quả cao nhất. Theo lộ trình đã được phê duyệt, thị trường bán buôn cạnh tranh sẽ chính thức vận hành vào năm 2019, có khả năng giá trần thị trường vào năm 2019 sẽ có cách tính mới cao hơn giá trần hiện nay. Do vậy sẽ có ảnh hưởng tích cực tới doanh thu của các nhà máy tham gia thị trường điện cạnh tranh trong dài hạn.

Bên cạnh đó là xu hướng phát triển thị trường điện cạnh tranh: trong Quyết định số 26/2006/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình và các điều kiện hình thành phát triển các cấp độ thị trường điện lực tại Việt Nam. Theo quyết định trên, thị trường điện Việt Nam sẽ hình thành và phát triển theo 3 cấp độ: Thị trường phát điện cạnh tranh (giai đoạn 2005 - 2014); Thị trường bán buôn cạnh tranh (giai đoạn 2014 - 2022); Thị trường bán lẻ cạnh tranh (giai đoạn sau năm 2022). Do đó, EVNGENCO2 sẽ cần quyết liệt hơn nữa trong công tác sản xuất kinh doanh điện năng và đầu tư xây dựng để đảm bảo khả năng cung cấp dịch vụ, phát triển ngành Điện bền vững, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân.

Mục tiêu

- Phần đầu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất điện. Là một doanh nghiệp mạnh trong công tác quản lý các dự án nguồn điện, quản lý vận hành các nhà máy điện và tạo ra các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao trong lĩnh vực điện. Phần đầu để EVNGENCO2 trở thành thương hiệu có uy tín cao trong lĩnh vực điện.

- Phát triển ổn định, bền vững, có sức cạnh tranh cao, hoạt động vì mục tiêu góp phần bảo đảm an ninh năng lượng Quốc gia, đồng thời hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận, giải quyết việc làm cho người lao động và tích lũy đầu tư để phát triển bền vững.

- Bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp; sản xuất kinh doanh có lãi, từng bước lành mạnh hóa bức tranh tài chính và cổ phần hóa thành công EVNGENCO2.

Công tác chuẩn bị trong tương lai nhằm tạo lợi thế cạnh tranh cho EVNGENCO2:

- Xây dựng kế hoạch đồng bộ góp phần lành mạnh hóa tài chính:
 - + Tăng cường dòng tiền cho Tổng công ty: giám sát, đôn đốc các công ty cổ phần; hướng dẫn, phối hợp với các đơn vị hạch toán phụ thuộc hoàn thành trong thời gian ngắn nhất các hồ sơ, thủ tục thanh toán tiền điện hàng tháng.
 - + Đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán điện của các nhà máy mới theo hướng dẫn của Thông tư 56/2014/TT-BCT; Thông tư 51/2015 của Bộ Công Thương và Thông tư số 13/2017/TT-BCT.
- Xây dựng chiến lược tối ưu hóa nguồn nhân lực:
 - + Đồng bộ hóa cơ cấu lao động trong lĩnh vực thị trường điện với lộ trình sắp xếp cơ cấu để cổ phần hóa, trong phạm vi toàn Tổng công ty.
 - + Xây dựng chiến lược nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (dài hạn) cho giai đoạn đầy đủ của VWEM và những năm tiếp theo.
- Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, giảm chi phí để giá thành sản xuất điện có tính cạnh tranh cao trên thị trường điện, nâng cao hiệu quả SXKD của doanh nghiệp.
- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật để đảm bảo các tổ máy vận hành tin cậy, kinh tế, đầu tư phát triển khoa học, đổi mới công nghệ, hiện đại hóa các nhà máy có công nghệ cũ, nâng cao mức độ an toàn, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Đẩy mạnh thực hiện tối ưu hóa chi phí trong sản xuất điện năng:
 - + Xây dựng kế hoạch tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả chiến lược chào giá trên thị trường phát điện cạnh tranh (hiện nay) và thị trường bán buôn điện cạnh tranh (tương lai) của các nhà máy điện để tối đa hóa doanh thu từ hoạt động sản xuất điện năng.
 - + Xây dựng kế hoạch vận hành an toàn các nhà máy, tối thiểu hóa suất sự cố, phát huy tối đa công suất để đảm bảo sản lượng điện phát luôn cao hơn Qc, đồng thời với tiết kiệm điện, giảm dần tỉ lệ điện tự dùng và tổn thất để tối đa hóa sản lượng điện thương phẩm.
 - + Xây dựng kế hoạch đáp ứng tốt công tác thủy lợi: đảm bảo cấp nước tưới tiêu nông nghiệp và sinh hoạt cho hạ du trong mùa khô, tích nước chống lũ trong mùa mưa bão; đồng thời giảm thiểu đến mức thấp nhất lãng phí do việc xả nước qua tràn trong mùa mưa bão để tối ưu hóa tài nguyên nước.
 - + Xây dựng kế hoạch và thực hiện nghiêm công tác trồng bù rừng, tăng cường bảo vệ rừng đầu nguồn ở các hồ thủy điện để bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học của môi trường rừng Việt Nam.

- Xây dựng kế hoạch cung cấp thông tin, thực hiện tốt chế độ báo cáo với các cơ quan chức năng theo đúng quy định, xây dựng kế hoạch công bố thông tin có độ tin cậy và tính minh bạch cao trên thị trường điện Việt Nam. Nâng cao uy tín và vị thế của Tổng công ty trên thị trường điện Việt Nam và các nhà đầu tư quốc tế.

- Đẩy mạnh thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển:

+ Tích cực phát triển nguồn điện mới, đồng thời đảm bảo tiến độ các dự án nguồn đang đầu tư:

- Thủy điện: Sông Bung 2.
- Điện gió Công Hải - giai đoạn 2.
- Điện gió Hướng Phùng 1.
- Mở rộng lưu vực bổ sung nước cho Công trình Thủy lợi – Thủy điện Quảng Trị và vùng hạ du.

BIỂU SỐ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Ước thực hiện năm báo cáo (năm 2018)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất	Triệu kWh	15.844	16.088	16.750	16.742
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	21.281	22.098	22.435	21.366
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	857	500	3.032	1.845
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1.506	1.304	2.092	2.092
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD	không có	không có	không có	không có
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)		không có	không có	không có	không có
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng	3.958	3.023	1.072	509
a)	- Vốn tự có		423	543	292	183
b)	- Vốn vay		3.535	2.480	780	326
c)	- Vốn khác		-			
8	Tổng lao động (*)	Người	3.328	3.347	3.409	3.424
9	Tổng quỹ lương(*)	Tỷ đồng	660,061	706,793	810,716	797,130
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	4,694	4,53	4,543	4,865
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	655,367	702,263	806,173	792,265

* Đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty và nhóm công ty mẹ - công ty con là báo cáo hợp nhất.

(*): Chưa bao gồm các Ban quản lý dự án.

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con

BIỂU SỐ 2: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CÓ PHẦN CHI PHỐI

S T T	Tên Doanh nghiệp	Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm 2017			Ước thực hiện năm 2018		
		Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Vốn thực góp (tỷ đồng)	Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Vốn thực góp (tỷ đồng)	Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Vốn thực góp (tỷ đồng)	Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Cty mẹ (%)	Vốn thực góp (tỷ đồng)
1	Các Cty con do Cty mẹ nắm giữ 100% VDL	1.170,00	-	437,61	1.170,00	-	485,81	1.170,00	-	902,814	1.170,00	-	902,81
-	Trung Sơn	1.170	100,00	437,61	1.170	100,00	485,81	1.170	100,00	902,81	1.170	100,00	902,81
2	Các Cty con do Cty mẹ nắm CP chi phối	11.362,81	-	6.001,05	10.955,12	-	6.001,05	10.955,12	-	6.001,05	10.955,12	-	6.001,05
-	Phả Lại	3.262,35	51,00	1.663,92	3.262,35	51,00	1.663,92	3.262,35	51,00	1.663,92	3.262,35	51,00	1.663,92
-	Hải Phòng	5.000,00	51,00	2.550,00	5.000,00	51,00	2.550,00	5.000,00	51,00	2.550,00	5.000,00	51,00	2.550,00
-	A Vương	1.120,46	87,45	656,3	750,52	87,45	656,3	750,52	87,45	656,3	750,52	87,45	656,3
-	Sông Ba Hạ	1.280,00	61,78	767,41	1.242,25	61,78	767,41	1.242,25	61,78	767,41	1.242,25	61,78	767,41
-	Thác Mơ	700,00	51,92	363,42	700,00	51,92	363,42	700,00	51,92	363,42	700,00	51,92	363,42
3	Tổng cộng	12.532,81		6.438,66	12.125,12		6.486,86	12.125,12		6.903,86	12.125,12		6.903,86